

**BÁO CÁO**

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2024**

Thực hiện Nghị quyết số 382/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Trảng Bàng, khóa XII, kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024.

Thực hiện Quyết định số 6558/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn thị xã, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước .....295.050 triệu đồng.
- + Thu nội địa.....295.050 triệu đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP) .....683.664 triệu đồng.
- + Thu cân đối NSDP .....530.556 triệu đồng.
- + Thu bổ sung cân đối: .....36.735 triệu đồng.
- + Thu NS tỉnh bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ:.....84.730 triệu đồng.
- + Sử dụng nguồn cải cách tiền lương chi tăng lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP: .....31.643 triệu đồng
- Dự toán chi ngân sách địa phương: .....683.664 triệu đồng.
- + Chi cân đối NSDP: .....598.934 triệu đồng.
- + Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: .....84.730 triệu đồng.

Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

**I. Về thu NSNN**

Tổng thu NSNN trên địa bàn 175 tỷ 209 triệu đồng, đạt 58,2% so dự toán, tăng 19,19% so cùng kỳ.

**II. Về chi NSDP**

Tổng chi NSDP: 282 tỷ 726 triệu đồng, đạt 32,99% so dự toán, tăng 5,75% so cùng kỳ, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách: 256 tỷ 379 triệu đồng, đạt 37,5% so dự toán, giảm 4,1% so cùng kỳ.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 26 tỷ 347 triệu đồng đạt 15,02% so dự toán và giảm 57,87% so cùng kỳ.

(Kèm biểu mẫu số 93,94,95/CK-NSNN)

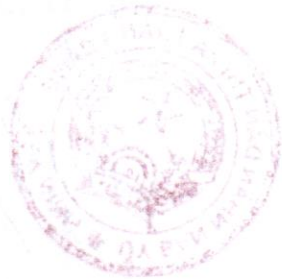
Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2024./.

Nơi nhận: 1/02  
- CT, các PCT UBND thị xã;  
- Sở Tài chính;  
- Phòng Tài chính –KH;  
- Lưu



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Hồng Thắm**



1504

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**(Kèm theo Báo cáo số: *882* /BC-UBND ngày *12* tháng *7* năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thị xã Trảng Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>683 664</b>	<b>888 692</b>	<b>129.99%</b>	<b>135.47%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>530 556</b>	<b>349 055</b>	<b>65.79%</b>	<b>120.53%</b>
1	Thu nội địa	295 050	175 209	59.38%	119.20%
2	Thu viện trợ				
3	Tính quản lý thu điều tiết cho thị xã	235 506	173 846	73.82%	121.91%
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>121 465</b>	<b>186 629</b>	<b>153.65%</b>	<b>295.09%</b>
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>353 008</b>		
<b>IV</b>	<b>Sử dụng nguồn CCTL chi tăng lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP</b>	<b>31 643</b>			
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>856 979</b>	<b>282 726</b>	<b>32.99%</b>	<b>105.75%</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách thị xã</b>	<b>683 664</b>	<b>256 379</b>	<b>37.50%</b>	<b>95.90%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	72 160	13 277	18.40%	38.90%
2	Chi thường xuyên	514 765	212 737	41.33%	93.26%
3	Dự phòng NSNN	11 858	2 286		
4	Dự toán chưa phân bổ	151			
5	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	84 730	28 079	33.14%	44.90%
<b>III</b>	<b>Chi bổ sung phát sinh trong năm</b>	<b>173 315</b>	<b>26 347</b>		

*Phạm*



## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 832 /BC-UBND ngày 12 tháng 1 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2024	SO SÁNH %	
				THỰC HIỆN SO DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>301 050</b>	<b>175 209</b>	<b>58.20%</b>	<b>119.19%</b>
I	<b>Thu nội địa</b>	<b>301 050</b>	<b>175 209</b>	<b>58.20%</b>	<b>119.19%</b>
1	<b>Thu từ khu vực ngoài quốc doanh</b>	<b>113 800</b>	<b>64 032</b>	<b>56.27%</b>	<b>140.24%</b>
	-Thuế giá trị gia tăng	86 145	40,706	47.25%	127.39%
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp	24 000	22,554	93.98%	188.50%
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	400	152	38.00%	95.00%
	- Thuế tài nguyên	3 255	620	19.05%	39.27%
2	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>78 000</b>	<b>28,294</b>	<b>36.27%</b>	<b>95.05%</b>
3	<b>Thu phí và lệ phí</b>	<b>4 600</b>	<b>3 633</b>	<b>78.98%</b>	<b>106.45%</b>
	- Lệ phí môn bài	2 630	2 701	102.70%	107.44%
	- Các loại phí khác	1 970	932	47.31%	103.67%
4	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>37 000</b>	<b>21,031</b>	<b>56.84%</b>	<b>132.51%</b>
5	<b>Các khoản thu về nhà, đất</b>	<b>51 550</b>	<b>48 513</b>	<b>94.11%</b>	<b>110.95%</b>
	-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500	349	69.80%	114.43%
	-Thu tiền sử dụng đất	50 000	47 045	94.09%	108.73%
	-Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1 050	1 119	106.57%	731.37%
6	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>16 000</b>	<b>9 706</b>	<b>60.66%</b>	<b>113.45%</b>
	- Thu phạt ATGT	6 000	4 564	76.07%	109.19%
	- Thu khác còn lại	10 000	5 142	51.42%	117.53%
7	<b>Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác</b>	<b>100</b>			
B	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG</b>		<b>353 008</b>		
C	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>683 664</b>	<b>535 684</b>	<b>78.35%</b>	<b>184.98%</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	240 645	121 861	50.64%	124.59%
2	Tính thu điều tiết cho thị xã	235 506	173 846	73.82%	121.91%
3	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	207 513	239 977	115.64%	487.96%



## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 889 /BC-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2024	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>856 979</b>	<b>282 726</b>	<b>32.99%</b>	<b>105.75%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>683 664</b>	<b>256 379</b>	<b>37.50%</b>	<b>95.90%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>72 160</b>	<b>13 277</b>	<b>18.40%</b>	<b>38.90%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	72 160	13 277	18.40%	38.90%
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>514 916</b>	<b>212 737</b>	<b>41.31%</b>	<b>93.22%</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	270 662	114 971	42.48%	100.68%
2	Chi khoa học công nghệ	130			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4 066	2 654	65.27%	121.58%
4	Chi văn hóa thông tin	5 995	1 493	24.90%	51.63%
5	Chi phát thanh, truyền hình	558	101	18.10%	35.82%
6	Chi thể dục thể thao	839	181	21.57%	77.35%
7	Nguồn chưa phân bổ SN VH thể thao và Truyền thanh				
7	Chi bảo vệ môi trường	11 940		0.00%	0%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	33 034	10 263	31.07%	95.12%
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	100 523	41 151	40.94%	88.42%
10	Chi đảm bảo xã hội	45 476	19 695	43.31%	70.39%
11	Chi an ninh - quốc phòng	38 373	19 231	50.12%	100.36%
12	Chi khác ngân sách	3 169	776	24.49%	114.45%
13	Nguồn chưa phân bổ	151			
14	Tạm chi chưa đưa vào ngân sách		2 221		6940.63%
<b>III</b>	<b>Dự phòng NSNN</b>	<b>11 858</b>	<b>2 286</b>	<b>19.28%</b>	<b>45.72%</b>
<b>IV</b>	<b>Bổ sung dự toán đầu năm</b>	<b>84 730</b>	<b>28 079</b>		<b>59.45%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	63 000	19 448		44.27%
3	Chi nhiệm vụ bổ sung trong năm	15 147	8 617		
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	6 583	14		0.42%
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU PHÁT SINH TRONG NĂM</b>	<b>173 315</b>	<b>26 347</b>	<b>15.20%</b>	<b>42.13%</b>
1	Hỗ trợ kinh hộ không có khả năng thoát nghèo	1 991	798		
2	Kinh phí hỗ trợ cho các hộ dân	169 657	24 423		
3	Chi tiền tết Giáp Thìn năm 2024	1 667	1 126		

TAM 2